

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II - KHỐI 8

HỌC SINH :

LỚP :

Năm học 2023 – 2024

A. Phạm vi ôn tập

1. Nội dung kiến thức

*** Đại số:**

- Xác suất của biến cố ngẫu nhiên và xác suất thực nghiệm của biến cố trong một số trò chơi đơn giản
- Phương trình bậc nhất một ẩn, cách giải phương trình bậc nhất một ẩn, và ứng dụng

*** Hình học:**

- Định lí Thalès và ứng dụng của định lí Thalès trong tam giác
- Đường trung bình của tam giác, tính chất đường phân giác của tam giác
- Trường hợp đồng dạng thứ nhất của tam giác cạnh - cạnh - cạnh

2. Các dạng câu hỏi:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- Câu hỏi tự luận
- Bài tập giải quyết vấn đề thực tiễn

B. Cấu trúc đề kiểm tra

I. Trắc nghiệm: gồm 12 câu mỗi câu 0,25 điểm

II. Tự luận: gồm 5 câu hỏi và bài tập tự luận

C. Một số câu hỏi tham khảo

I. Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Một hộp đựng 4 quả cầu màu xanh được đánh số 1; 2; 3; 4 và 5 quả cầu màu đỏ được đánh số 1; 2; 3; 4; 5. Lấy ngẫu nhiên một quả cầu trong hộp. Xác suất của biến cố “Lấy được quả cầu màu đỏ ghi số 5” là:

- A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{1}{5}$ C. $\frac{1}{9}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 2. Khánh gieo một con xúc xắc 50 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	4	10	11	7	12	6

Xác suất thực nghiệm của biến cố “xuất hiện mặt 1 chấm” là:

- A. $\frac{1}{10}$ B. $\frac{6}{25}$ C. $\frac{2}{25}$ D. $\frac{1}{25}$

Câu 3. Chè Thái Nguyên là một loại chè ngon của nước ta, được nhiều người ưa thích, một dây chuyền đóng gói loại 200g, kiểm tra khối lượng của 120 gói cho kết quả như sau:

Khối lượng (g)	197	198	199	200	201	202	203
Số gói	1	1	5	104	7	1	1

Xác suất thực nghiệm của biến cố khối lượng gói chè không phải là 200g là:

- A. $\frac{2}{15}$ B. $\frac{104}{200}$ C. $\frac{1}{120}$ D. $\frac{7}{120}$

Câu 4. Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất một ẩn ?

- A. $x^2 - 4 = 0$ B. $(x - 1)(x + 2) = 0$ C. $5x + 3 = 0$ D. $x^3 - 8 = 0$

Câu 5. Nghiệm của phương trình $3x - 9 = 0$ là:

- A. $x = 3$ B. $x = -3$ C. $x = \frac{1}{3}$ D. $x = \frac{-1}{3}$

Câu 6. Nghiệm của phương trình $x - 12 = 6 - x$ là:

- A. $x = 9$ B. $x = -9$ C. $x = 8$ D. $x = -8$

Câu 7. Số thứ nhất là a , số thứ hai là 59 ; tổng của hai số bằng:

- A. $a - 59$ B. $a + 59$ C. $59a$ D. $a : 59$

Câu 8. Hình chữ nhật có chiều dài là a , chiều rộng là b . Diện tích của hình đó là:

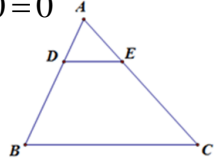
- A. $a + b$ B. $(a + b) \cdot 2$ C. $a - b$ D. $a \cdot b$

Câu 9. Gọi x (km/h) là vận tốc xe máy đi được trong 2 giờ với quãng đường là 90 km, khi đó ta có phương trình:

- A. $90x = 2$ B. $2x = 90$ C. $x = 90 \cdot 2$ D. $2x + 90 = 0$

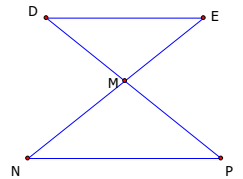
Câu 10. Cho hình vẽ, trong đó $DE \parallel BC$, $AD = 12$, $DB = 18$, $CE = 30$. Độ dài AC bằng:

- A. 20 cm B. 45 cm C. 50 cm D. $\frac{18}{25}$ cm



Câu 11. Cho hình vẽ. Biết $DE \parallel NP$. Áp dụng hệ quả của định lý Thales ta được khẳng định nào đúng?

- A. $\frac{ME}{MN} = \frac{MD}{MP} = \frac{ED}{NP}$ B. $\frac{NP}{DE} = \frac{MP}{ME}$
 C. $\frac{DE}{NP} = \frac{ME}{MP}$ D. $\frac{MD}{MN} = \frac{ME}{MP} = \frac{ED}{NP}$



Câu 12. Cho $\triangle ABC$, AD là phân giác trong của góc A . Hãy chọn câu đúng:

- A. $\frac{DC}{DB} = \frac{AB}{AC}$ B. $\frac{AB}{DB} = \frac{AC}{DC}$ C. $\frac{AB}{DB} = \frac{DC}{AC}$ D. $\frac{AB}{DB} = \frac{DC}{AC}$

Câu 13. Cho $\triangle ABC$, $AC = 2 \cdot AB$, AD là đường phân giác của tam giác ABC , khi đó $\frac{BD}{CD} = ?$

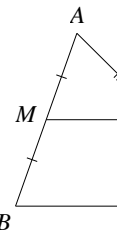
- A. $\frac{BD}{CD} = 1$ B. $\frac{BD}{CD} = \frac{1}{3}$ C. $\frac{BD}{CD} = \frac{1}{4}$ D. $\frac{BD}{CD} = \frac{1}{2}$

Câu 14. Cho $\triangle MNP \sim \triangle EGF$, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. $\hat{M} = \hat{E}$ B. $\frac{MN}{EG} = \frac{MP}{EF}$ C. $\frac{NP}{MP} = \frac{EG}{FG}$ D. $\frac{MN}{NP} = \frac{EG}{FG}$

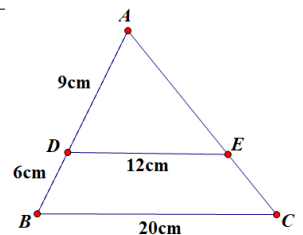
Câu 15. Cho hình vẽ bên, Đoạn thẳng MN gọi là

- A. đường trung tuyến của tam giác ABC .
 B. đường trung trực của tam giác ABC .
 C. đường phân giác của tam giác ABC .
 D. đường trung bình của tam giác ABC .



Câu 16. Cho hình vẽ sau biết $\triangle ADE \sim \triangle ABC$. Tỉ số đồng dạng là:

- A. $k = \frac{3}{2}$ B. $k = \frac{2}{3}$
 C. $k = \frac{3}{5}$ D. $k = \frac{5}{3}$



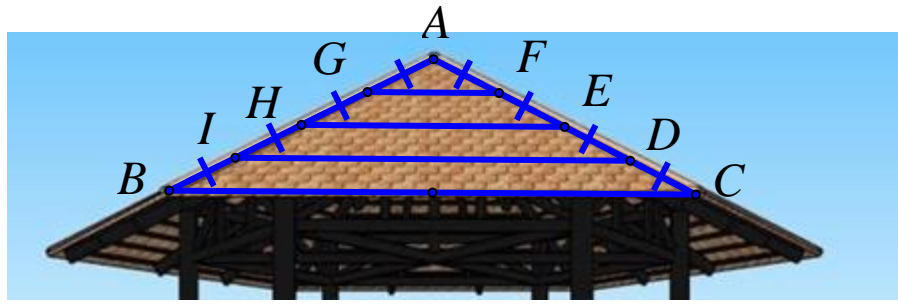
Câu 17. Cho $\triangle ABC$ biết $MN \parallel AB$ ($M \in AC, N \in BC$) thì:

- A. $\triangle CMN \sim \triangle ABC$ B. $\triangle CNM \sim \triangle ABC$ C. $\triangle CNM \sim \triangle CAB$ D. $\triangle MNC \sim \triangle ABC$

II. Câu hỏi tự luận

Bài 1. Thống kê thời gian chạy ngắn 100m trong giờ kiểm tra GDTC của 25 học sinh nữ lớp 8A cho kết quả như sau:

Thời gian chạy trong khoảng	Số học sinh
Từ 10 đến 12 giây	3
Từ 13 đến 15 giây	15
Từ 16 đến 18 giây	5



PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2023 – 2024

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN 8

ĐẠI DIỆN NHÓM CM

TTCM

BAN GIÁM HIỆU

Ngô Quốc Chiến

Nguyễn Thế Mạnh

Trần Thị Thanh Hà

I. YÊU CẦU CHUNG VỀ NĂNG LỰC VÀ PHẠM VI ÔN TẬP:

1. Phần đọc – hiểu:

Bài 6: TRUYỆN

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết tiêu biểu, cốt truyện, ngôn ngữ, nhân vật,...) và phân tích được nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,...) mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.

- Nhận biết và hiểu tác dụng của từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội trong đời sống và tác phẩm văn học.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

BÀI 8: TRUYỆN LỊCH SỬ, TIỂU THUYẾT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện đơn tuyến, đa tuyến, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ,...) nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.

- Nhận biết và đặt được câu khẳng định, câu phủ định.

- Viết được bài văn nghị luận trình bày về một tư tưởng, đạo lí.

2. Phần viết

Dạng 1: Viết bài văn nghị luận về tinh thần lạc quan.

Dạng 2: Viết bài văn nghị luận về nghị lực trong cuộc sống.

II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

ĐỀ 1

Đọc văn bản sau:

Thương ơi là thương

“Bảo có thói quen đeo tai nghe trong nhiều hoạt động cá nhân như chạy xe, đi bộ, học bài,... thậm chí là cả lúc ngủ. Cậu làm vậy để thu mình lại trong thế giới riêng, mặc kệ những ồn ào từ nhịp sống thường nhật ngoài kia. [...]

Hôm nay, như thường lệ, Bảo đi bộ vài vòng ở công viên gần nhà khi nắng chiều dần tắt. Và cũng như mọi ngày, vật bất ly thân của cậu là chiếc tai nghe màu trắng đã có vài ba chỗ trầy xước. Đi giữa chùng, Bảo thấy âm thanh tai nghe hôm nay hơi lạ, bèn tháo ra kiểm tra. Cùng lúc ấy, cậu vô tình nghe thấy tiếng “meo... meo” gần đó. Thì ra là một chú mèo trắng đang nằm thu mình dưới chân ghế đá. Trông chú có vẻ sợ hãi và ánh mắt không thôi tìm kiếm điều gì đó. [...]

Ôm mèo con trong tay, Bảo quan sát kỹ phản ứng của bé để chắc chắn chú ta vẫn ổn. Ngoài ra, những tiếng “meo, meo” rồi cả tiếng thở khe khẽ của mèo đều được Bảo lắng nghe thật rõ trong không gian tương đối tĩnh lặng. Bảo bất ngờ nhận ra những âm thanh này thật đáng yêu biết mấy. Chúng có lẽ từng vô tình bị ngăn cách bởi chiếc tai nghe của Bảo thời gian trước, nên khi “tạm” không có “cánh cửa” ấy như hôm nay, chúng chẳng e dè gì mà tiến vào đôi tai Bảo, đồng thời “ngang nhiên” xông thẳng vào trái tim đang cởi mở của cậu, theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. [...]

Khi đang ngồi vuốt ve chú mèo, Bảo nghe thấy một giọng nữ vang lên. Qua những gì nghe được, Bảo chắc chắn cô gái kia là chủ của chú mèo này. Rất nhanh, Bảo lên tiếng đáp lại, đồng thời đứng lên hươ hươ tay để người kia nhìn thấy:

- Bạn gì ơi, chú mèo của bạn ở bên này nè.

Cô gái gần như tuyệt vọng và sắp bật khóc đến nơi bỗng nhiên tìm thấy “phao cứu sinh”, liền chạy thật nhanh về phía phát ra tiếng nói.

- Cảm ơn cậu nhiều nhé!

Cô gái bây giờ mới lên tiếng, sau một hồi ôm ấp và vỗ về chú mèo cưng trong tay. Cô gái ấy tên Miên, trạc tuổi Bảo. [...]

Bảo nhìn cả Miên lẫn chú mèo trắng, đáy mắt ánh lên niềm vui khi bản thân đã làm một việc có ích, hơn cả niềm vui còn là sự nhẹ nhõm vì chú mèo không sao và chủ của bé có thể tìm lại người bạn bốn chân đáng yêu này. Trên đoạn đường về nhà, bầu không khí giữa cả hai thoải mái và gần gũi hơn ban nãy ở công viên một chút, lại có thêm Bông Gòn “kết nối” nên Bảo và Miên nói cười không ngắt.

Không ai biết rằng bên trong Bảo đã diễn ra một cuộc chuyển biến thú vị. Cậu bắt đầu thu nhận thanh âm muôn màu của cuộc sống, dù là âm thanh dễ chịu hay những tiếng ồn ào, mà không có “cửa đóng then cài” để tách biệt khỏi hiện tại. Bảo cũng “thủ sẵn” cho mình một số lời hỏi thăm, quan tâm như thể dành cho cô bán phở đầu hẻm, một người xa lạ trên đường hay bất kỳ ai khác. Từ chỗ cảm nhận âm thanh, Bảo chuyển hóa tình yêu cuộc sống thành lời nói có ý nghĩa. Đôi ba câu vu vơ ấy vậy mà có hiệu nghiệm cực kỳ. Lòng cậu rộn ràng hơn hẳn khi hòa mình vào dòng chảy cuộc sống.

Sự kiện Miên và Bông Gòn, Bảo tạm gọi như thế, đã khiến cậu nhận ra một điều: Nếu thu mình lại, cậu sẽ chẳng có cơ hội cảm nhận cũng như đóng góp chút gì đó cho cuộc đời xinh đẹp này.

Sẽ ra sao nếu Bảo cứ cắm tai nghe và mất tập trung khỏi hiện thực hôm đó? Chắc chắn là Bông Gòn sẽ không được phát hiện và Miên có khả năng không thể tìm thấy hoặc mất rất lâu để tìm thấy “người bạn nhỏ” cũng nên.

Bởi vậy, Bảo nghĩ kỹ rồi, cậu sẽ để tâm nhiều hơn đến hiện tại để thấy rằng mình đang sống. Chẳng việc gì phải “trôi dạt” đến một chiều không gian khác, khi vạn sự trên đời đều thương ơi là thương”

(Trích “*Truyện ngắn Mực Tím*”: *Thương ơi là thương*, 2022, Tuổi trẻ.)

Câu 1. Xác định những đặc trưng của văn bản truyện ngắn được thể hiện trong văn bản trên.

Câu 2. Xác định ngôi kể và nêu tác dụng của ngôi kể trong việc kể chuyện.

Câu 3. Nêu tác dụng của các từ tượng hình, tượng thanh có trong đoạn văn in đậm.

Câu 4. Em có cảm nhận gì về nhân vật Bảo? Trình bày dưới dạng đoạn văn khoảng 7 câu.

Câu 5. Câu chuyện trên muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì? Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong câu chuyện?

ĐỀ 2

Thầy giáo dạy vẽ của tôi

Tôi muốn kể với các em về thầy giáo dạy vẽ của tôi. Thầy dạy chúng tôi cách đây mười bảy năm, khi đó chúng tôi mới học lớp Năm mà thầy thì mái tóc đã bạc phơ...

[...] Thầy ăn mặc theo kiểu xưa: bộ com-lê đen đã cũ lắm, nhưng chiếc ca-vát vẫn luôn thắt chỉnh tề trên cổ. Thầy thường đội mũ nồi, bộ râu mép rậm lấm tấm bạc, đôi giày cũ và chiếc cặp da nâu cũng đã sờn rách.

Thầy luôn đăm chiêu nhưng hiền hậu. Chẳng bao giờ thầy cáu giận, gắt gỏng với chúng tôi. Cũng chẳng bao giờ thầy bỏ một tiết lên lớp nào, kể cả những hôm thầy yếu mệt, sốt cao, giọng run run.

Các cô giáo, thầy giáo trong trường kể rằng thầy là một trong số những họa sĩ học khoá đầu tiên của Trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương. Bạn học của thầy, hầu hết đều đã trở thành những họa sĩ tên tuổi, có người nổi tiếng cả ở nước ngoài, riêng thầy Bản chỉ là một giáo viên dạy vẽ bình thường ở một trường cấp hai.

Thầy dạy chúng tôi kẻ chữ, vẽ cái sọt giấy, lọ mực, viên gạch, thỉnh thoảng mới có một bài “vẽ tự do”: cảnh chùa hoặc cảnh lao động ở vườn trường. Thầy dạy rất ân cần, tỉ mỉ, chỉ bảo cho chúng tôi từng li từng tí: cách tô màu, đánh bóng, cả cách gọt bút chì thế nào cho đẹp và dễ vẽ. Nhưng thú vị hơn cả là những câu chuyện của thầy. Thầy thường nói say sưa với chúng tôi về hội họa, về màu sắc và đường nét, về cái thế giới thứ hai, thế giới rực rỡ, kì lạ của những bức tranh, những cánh cửa mở tới những khu vườn tốt lành và đẹp đẽ. Có những lần, thầy đưa chúng tôi về nhà thầy chơi, về gian gác xếp đầy sách vở và tranh ảnh. Thầy đưa chúng tôi xem những quyển sách của các bậc danh họa. Thầy cũng cho chúng tôi xem những bức tranh thầy vẽ những bức tranh nhỏ, vẽ rất tỉ mỉ những bình hoa nhiều màu, những ngôi nhà, những em bé hàng xóm... Thầy vẽ chậm, vẽ kĩ, không hiểu có đẹp không, nhưng tranh của thầy ít được mọi người chú ý. Chúng tôi có đi hỏi nhưng chẳng mấy ai biết tên họa sĩ Nguyễn Thừa Bản.

[...] Có lần, thầy đến lớp, vẻ nghiêm trang, xúc động, thầy nói với chúng tôi:

- Ở triển lãm mỹ thuật thành phố, người ta có bày một bức tranh của tôi... – Thầy mỉm cười rụt rè khẽ nói thêm – Các em đến xem thử...

Chiều hôm ấy, mấy đứa chúng tôi – trong đó có Châu và Hiền – rủ nhau đến phòng triển lãm. Trong gian phòng chan hòa ánh sáng, bức tranh của thầy Bản treo ở một góc. So với những bức tranh to lớn sang trọng khác, bức tranh của thầy thật bé nhỏ, trong một chiếc khung cũ. Bức tranh vẽ rất cẩn thận một lọ hoa cũ, mấy quả cam, những cánh hoa vàng rơi trên mặt bàn... Mọi người đi lướt qua, chẳng ai để ý tới bức tranh của thầy. Chúng tôi ngồi xuống cạnh bàn ghi cảm tưởng của người xem: Chẳng thấy ý kiến nào khen ngợi hoặc nhắc đến bức tĩnh vật của thầy giáo chúng tôi. Lúc ấy, chúng tôi thấy thầy Bản cũng đến, thầy đi lại trong phòng triển lãm, nhìn người xem rồi lại nhìn về cái tranh của mình, bồn chồn, hồi hộp. Rồi sau cảm thấy đứng mãi ở đấy không tiện, thầy lại lóc cóc ra lấy xe đạp, đạp đi.

Càng thương thầy, chúng tôi càng giận những người xem vô cùng. Nảy ra một ý, chúng tôi bàn khẽ với nhau, rồi mở quyển sổ ghi cảm tưởng, chúng tôi thay nhau viết:

“Trong phòng triển lãm này, chúng tôi rất thích bức tranh của họa sĩ Nguyễn Thừa Bản!”

“Bức tranh tĩnh vật của họa sĩ Nguyễn Thừa Bản rất đẹp. Họa sĩ là một người có tài năng và cần cù lao động. Kính chúc họa sĩ mạnh khỏe, v.v...”

Rồi chúng tôi ký những cái tên giả dưới các ý kiến đó. Ngoài mấy đứa chúng tôi, không ai biết việc này.

Vài hôm sau, thầy Bản đến lớp. Bối rối vì cảm động, thầy báo tin:

- Các em ạ ... bức tranh ở triển lãm của tôi ... cũng được một số người thích ... Họ có ghi cảm tưởng ... Ban tổ chức có đưa cho tôi đọc... tôi có ghi lại...

Thầy háng háng ho, rồi nói thêm, vẻ ân hận:

- Bức tranh ấy tôi vẽ chưa được vừa ý... Nếu vẽ lại, tôi sẽ sửa chữa nhiều...

Thương thầy quá, chúng tôi suýt òa lên khóc. Bây giờ, nhiều năm đã trôi qua, chúng tôi đã lớn lên [...] chúng tôi chẳng hề quên thầy Bản. Không chỉ làm cho chúng tôi yêu hội họa, thầy còn là một tấm gương về sự cần cù, lòng trong sạch, tình yêu thương trân trọng với công việc bình thường của mình.

Thầy không phải là một nghệ sĩ nổi tiếng như các bạn của thầy, nhưng đối với chúng tôi, hình ảnh hiền hậu khiêm nhường của thầy đáng quý trọng biết bao.

Có lẽ đến phút cuối của cuộc đời, thầy cũng không biết rằng: Chính chúng tôi – những học trò nhỏ của thầy – đã viết vào quyển sổ cảm tưởng trong kỳ triển lãm ấy. Bây giờ, thầy Bản không còn nữa!

Tôi ấy, ngồi với nhau, chúng tôi nhắc nhiều và nhớ nhiều đến thầy...

Thưa thầy giáo dạy vẽ kính yêu!

Viết những dòng này, chúng em muốn xin thầy tha lỗi cho chúng em và muốn lần nữa được thưa với thầy rằng: Chúng em biết ơn thầy, mãi mãi biết ơn thầy...

(Xuân Quỳnh, Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiếu nhi)

Câu 1. Chỉ ra và nêu tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của từ tượng thanh trong đoạn in đậm nghiêng.

Câu 3. Theo em, văn bản trên được xây dựng theo cốt truyện đơn tuyến hay đa tuyến? Nêu tác dụng của việc xây dựng cốt truyện như vậy.

Câu 4. Trong văn bản, tác giả đã nhắc gửi bạn đọc thông điệp ý nghĩa nào?

Câu 5. Mỗi người sẽ để lại ấn tượng khác nhau trong lòng mọi người, có người thật giỏi giang, có người thật vô tư và hồn nhiên, ... Em hãy trình bày suy nghĩ về một nhân vật trong văn bản mà em cảm thấy ấn tượng nhất bằng một đoạn văn khoảng 5 câu theo cách lập luận quy nạp.

ĐỀ 3

Con bé Em cười tùm tùm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:

– Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.

Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích, bạn nó.

Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá trời nên tính trước, nếu mừng một con bé Em đi về ngoại thì mừng hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thật nơ, bâu viền kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.

Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi xách cặn cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bày đặt nói gièm:

– Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mà có đồ mới chưa?

– Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dòn dòn, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.

– Vậy mà được mấy bộ?

– Có một bộ hà.

Con bé Em trợn mắt:

– Ít quá vậy?

– Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

– Vậy à?

Bé Em mắt hửng hấn, nó lựng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không. Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:

– Còn mà?

– Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mừng một tới mừng bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết trơn. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sảy luôn.

– Mà sượng rồi.

Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hấn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh hai nó để lại. Áo nó thì chuyên cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mềm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chó không so đo chuyện cũ mới. Má nó nói hoài: “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”.

Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:

– Bộ đồ mà may chắc đẹp lắm, bữa mừng hai mà mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Rồi tới mừng một, mừng hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bâu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:

– Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.

Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chứ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé em. Thiết đó.

(*Áo Tết, Nguyễn Ngọc Tư, in trong Bánh trái mùa xưa, Nxb Văn học*)

Câu 1: Tóm tắt ngắn gọn cốt truyện trên bằng một vài câu văn và cho biết đặc điểm của cốt truyện.

Câu 2: Nhan đề của tác phẩm là gì? Nhan đề này được đặt theo cách nào?

Câu 3: Tìm câu phủ định có trong câu văn in đậm và cho biết vì sao, nêu chức năng.

Câu 4: Chủ đề của truyện ngắn trên là gì?

Câu 5: Em hãy trình bày suy nghĩ về nhân vật chính trong văn bản bằng một đoạn văn khoảng 5 câu theo cách lập luận diễn dịch.

ĐỀ 4

Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẫm: “cây hoàng lan”, mùi hương thơm thoang thoang đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng hay chơi dưới gốc nhật hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quần quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe thấy bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ sờ, buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẩm. Tiếng dèp nhỏ dần.

(Trích **Dưới bóng hoàng lan** -Thạch Lam, NXB Văn hóa Thông tin, 2007, tr. 165-166)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt kết hợp có trong văn bản trên và nêu tác dụng.

Câu 2. Nhân vật Thanh trong câu chuyện được khắc họa chủ yếu thông qua yếu tố nào? Qua đó em có cảm nhận gì về nhân vật này?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu văn: “*Bà lại gần sờ sờ, buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi.*”

Câu 4: Viết đoạn văn 5 – 7 câu nêu suy nghĩ của bản thân về ý kiến: “Sống chằm lại để yêu thương nhiều hơn”.

ĐỀ 5

BỐ TÔI

Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ nơi núi đồi hiểm trở, ông luôn dõng theo tôi.

Bao giờ cũng vậy, ông mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi vào cuối mỗi tuần. Ông rẽ vào bưu điện để nhận những lá thư tôi gửi. Lặng lẽ, ông vụng về mở nó ra. Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông. Rồi lặng lẽ như lúc mở ra, ông xếp nó lại, nhét vào bao thư. Ông ngồi trầm ngâm một lúc, khẽ mỉm cười rồi đi về núi.

Về đến nhà, ông nói với mẹ tôi: “Bà ơi, con mình vừa gửi thư về”. Ông trao thư cho bà. Bà lại cẩn thận mở nó ra, khen: “Con mình viết chữ đẹp quá! Những chữ tròn, thật tròn, những cái móc thật bén. Chỉ tiếc rằng không biết nó viết gì. Sao ông không nhờ ai đó ở bưu điện đọc giùm?”. Ông nói: “Nó là con tôi, nó viết gì tôi đều biết cả”. Rồi ông lấy lại thư, xếp vào trong tủ cùng với những lá thư trước, những lá thư được bóc ra nhìn ngắm, chạm mặt rồi cất vào, không thiếu một lá, ngay cả những lá đầu tiên nét chữ còn non nớt...

Hôm nay là ngày đầu tiên tôi bước chân vào trường đại học. Một ngày khai trường đầu tiên không có bố. Bố tôi đã mất. Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.

(Theo Nguyễn Ngọc Thuần)

Câu 1. Xác định ngôi kể và nêu tác dụng của ngôi kể trong việc kể chuyện.

Câu 2. Nhân vật người bố trong văn bản được hiện lên thông qua những yếu tố nào? Nêu một vài chi tiết tiêu biểu.

Câu 3. Tìm các từ tượng hình có trong câu văn in đậm và nêu tác dụng

Câu 4. Văn bản trên đã để lại cho em suy nghĩ, bài học gì? Trình bày dưới dạng đoạn văn 5-7 câu.

-Hết-

BGH KÍ DUYỆT

Trần Thị Thanh Hà

TỔ NHÓM CM

Vũ Thu Hương

A. TOPIC: Unit 7, 8, 9, 10, 11, 12

B. VOCABULARY:

- Environmental protection
- Natural disasters
- Science and technology
- Shopping
- Communication in the future
- Life on other planets

C. GRAMMAR:

1. Complex sentences with adverb clauses of time. (Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian)

a. Định nghĩa: Mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian là những mệnh đề bắt đầu bởi các liên từ chỉ thời gian như: **while** (*trong khi, trong lúc*), **when** (*vào lúc, khi*), **one, as soon as** (*ngay khi mà*), **till, until** (*cho đến khi*), **by the time, before** (*trước khi*), **after** (*sau khi*), **since** (*kể từ khi*), ...

b. Example:

When Mark was 13 years old, he went to Korea.

I will phone you as soon as I finish my work.

My father was talking on the phone while my mother was helping my sister with her homework.

2. Adverbs of frequency. (Trạng từ chỉ tần suất)

A. Định nghĩa: Trạng từ chỉ tần suất là trạng từ dùng để diễn tả một sự việc hay hành động nào đó xảy ra ở mức độ thường xuyên như thế nào.

- Một số trạng từ chỉ tần suất phổ biến trong tiếng Anh:

always	<i>luôn luôn</i>	usually	<i>thường, hay</i>
often	<i>thường</i>	frequently	<i>thường xuyên</i>
sometimes	<i>thỉnh thoảng</i>	occasionally	<i>thỉnh thoảng</i>
seldom, rarely	<i>hiếm khi</i>	never	<i>không bao giờ</i>

Eg: +) *I always have breakfast at 6 o'clock.* +) *We sometimes go to the cinema.*

3. Present simple for future events. (Thì hiện tại đơn diễn tả tương lai)

Diễn tả một suy nghĩ, cảm giác hay cảm xúc.	<i>Eg: I think you are good at English.</i>
Dùng trong các mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian.	<i>I will call you as soon as I finish my homework.</i>

4. Past continuous. (Thì quá khứ tiếp diễn)

A. Cấu trúc của thì quá khứ tiếp diễn

Cấu trúc		Ví dụ
Thể khẳng định (+)	S + was/were + V-ing	<i>Hoa was listening to music at 3:00 p.m yesterday.</i>
Thể phủ định (-)	S + was/were + not + V-ing	<i>She wasn't watching T.V at that time.</i>
Thể nghi vấn (?)	(Wh-question) + Was/Were + S + V-ing? - Yes, S + was/ were - No, S + wasn't/ weren't	<i>Were they having dinner at home at that time?</i>

C. Dấu hiệu nhận biết thì quá khứ tiếp diễn

Trong câu dùng thì quá khứ tiếp diễn thường có các từ và cụm từ sau:

- + at + giờ + *thời gian trong quá khứ* (at 10:00 p.m last night)
- + at this time + *thời gian trong quá khứ* (at this time yesterday)
- + at that time (vào thời điểm đó)
- + while (trong khi) + when (khi)

Eg: *I was playing chess with Tom at this time yesterday.*

5. Prepositions (Giới từ)

- **Định nghĩa:** Giới từ là một từ hoặc cụm từ được sử dụng trước danh từ/ đại từ để chỉ nơi chốn, vị trí, thời gian/ cách thức.
- Giới từ đứng sau TO BE, trước DANH TỪ, sau ĐỘNG TỪ hoặc sau TÍNH TỪ.

6. Possessive pronouns (Đại từ sở hữu)

Định nghĩa: Đại từ sở hữu là những từ được sử dụng để diễn tả sự sở hữu và luôn đứng một mình mà không cần danh từ theo sau.

Bảng tương ứng giữa đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu và đại từ sở hữu

Personal pronouns (Đại từ nhân xưng)		Possessive adjectives (Tính từ sở hữu)	Possessive pronouns (Đại từ sở hữu)
Subject (Chủ ngữ)	Object (Tân ngữ)		
I	Me	My	Mine
We	Us	Our	Ours
You	You	Your	Yours
He	Him	His	His
She	Her	Her	Hers
It	It	Its	
They	Them	Their	Theirs

Uses	
Possessive adjectives (Tính từ sở hữu)	Possessive pronouns (Đại từ sở hữu)
Luôn đi kèm theo sau là danh từ/ cụm danh từ.	Đứng một mình
Làm chủ ngữ/ tân ngữ	Làm chủ ngữ/ tân ngữ
Khi chia động từ không chia theo tính từ sở hữu, chia theo danh từ phía sau.	Dùng để thay thế cho các danh từ đã được nhắc đến.
Eg: <i>This is my house</i>	Eg: <i>This is my house. That is yours.</i>

7. Reported speech (Câu tường thuật dạng câu kể)

Định nghĩa: Câu tường thuật (Reported speech) là câu thuật lại một câu nói trước đó. Câu nói trước đó được gọi là câu trực tiếp (direct speech), câu thuật lại được gọi là câu gián tiếp (indirect speech).

Direct speech: "I want to become a scientist," Nam said.

Indirect speech: Nam said that he wanted to become a scientist.

a. Cấu trúc:

S+say(s)/said hoặc tell/told + (that)+S+V

She said that she couldn't attend the meeting.

They told me that they would move to the city.

b. Cách đổi từ câu trực tiếp sang câu tường thuật dạng câu kể

- Bước 1: Chọn động từ tường thuật, ví dụ như said hoặc told.
- Bước 2: Thay đổi thì của động từ trong câu tường thuật.
- Bước 3: Thay đổi các đại từ và tính từ sở hữu.
- Bước 4: Thay đổi các trạng từ chỉ nơi chốn và thời gian.

Câu trực tiếp	Câu tường thuật	Ví dụ
Hiện tại đơn S+ Vs/es S + am/is/are	Quá khứ đơn S+ V2/Ved S+ was/were	He said, "I see the news on a website." → <i>He said (that) he saw the news on a website.</i>
Hiện tại tiếp diễn S+ am/is/are +V-ing	Quá khứ tiếp diễn S + was/were + V-ing	She said, "I'm reading a science book." → <i>She said (that) she was reading a science book.</i>
Hiện tại hoàn thành S + have/has+ V3/Ved	Quá khứ hoàn thành S+ had + V3/Ved	He said, "My mother has bought a new washing machine." → <i>He said (that) his mother had bought a new washing machine.</i>
Quá khứ đơn S + V2/ed	Quá khứ hoàn thành S+ had + V3/ed	Thomas said, "I watched a science-fiction film last night." → <i>Thomas said (that) he had watched a science-fiction film the night before.</i>
Quá khứ tiếp diễn S+ was/were +V-ing	Quá khứ hoàn thành tiếp diễn S+ had + been + V-ing	Tim said, "We were going to the market this time yesterday." → <i>Tim said (that) they had been going to the market that time the day before.</i>
Quá khứ hoàn thành S+ had + V3/Ved	Quá khứ hoàn thành S+ had + V3/Ved	Mum said, "I had turned off the light before I went to bed." → <i>Mum said (that) she had turned off the light before she went to bed.</i>
Động từ khuyết thiếu S+ will/can/may + V	Động từ khuyết thiếu S+ would/could/ might + V	Henry said, "We will leave soon." → <i>Henry said (that) they would leave soon.</i>
Động từ khuyết thiếu S+ must + V	Động từ khuyết thiếu S+ had to + V	The coach said, "You must wear swimsuit in the pool." → <i>The coach said (that) I had to wear a swimsuit in the pool.</i>

Câu trực tiếp	Câu tường thuật
here	there
this	that
now	then
today	that day
tonight	that night
ago	before
this week	that week
tomorrow	the following day/the next day

yesterday	the day before the previous day
last month	the month before / the previous month

8. Reported speech: Questions (Câu gián tiếp dạng câu hỏi)

Cấu trúc:

Yes-No questions (Câu hỏi nghi vấn)						
"Vaux + S2 + V + O + C?" S1 asked.						
S1	asked wanted to know wondered	If/ whether	S2 (đổi ngôi)	V (lùi thời)	O (đổi ngôi)	C (đổi trạng ngữ)
<i>E.g. She asked: "Will you go camping tomorrow?" → She asked me if I would go camping the following day.</i>						
*** Vaux: trợ động từ (be/do/have/can...)						
W-H questions (Câu hỏi thông tin)						
"W-H + Vaux + S2 + V + O + C?" S1 asked.						
S1	asked wanted to know wondered	wh	S2 (đổi ngôi)	V (lùi thời)	O (đổi ngôi)	C (đổi trạng ngữ)
<i>E.g. She asked: "When will you go camping?" → She asked me when I would go camping.</i>						
Note						
<ul style="list-style-type: none"> - Các quy tắc đổi ngôi, đổi trạng ngữ áp dụng tương tự giống câu kể. - Bắt buộc phải dùng If/whether để nối câu nghi vấn và từ để hỏi W-H để nối câu hỏi thông tin. 						

D. PRONUNCIATION

- Sounds: /b/ - /k/

- Stress in words ending in '-al' and '-ous'

- Sentence stress

- Sounds: /sp/ - /st/

- Stress in words ending in 'ese' and 'ee'

- Intonation for making lists

E. SPEAKING

- Introduce and answer the teacher's questions.
- Present the topic and answer the teacher's questions

Topic.

1. Environmental protection

- What are the main causes of air pollution?
- How can we reduce our carbon footprint?
- In what ways do you protect the environment?

2. Shopping

- Do you like shopping? For what kinds of things?
- Do you prefer to shop in a shopping mall or shop online? What are the advantages and disadvantages of each?
- Are you excited about sales and discounts? When are the best sales in your country?

3. Natural disasters

- What are natural disasters?
- Are there often natural disasters in your country?
- What would you prepare if there were natural disaster?

4. Communication in the future

- Which is your favorite way to communicate? Why?
- How have smartphones changed communication?
- How do you think will people communicate in the future?

5. Science and technology

- What is the greatest technological invention? Why?
- Have you used the Internet to learn English or read or talk in English?
- Do you think robots will replace humans in the future?

6. Life on other planets

- Do you think there's life on other planets?
- Would you like to visit another planet?
- Do you think we should look for life on other planets?

E. PRACTICE

Exercise 1: Find the word that has a different sound in the part underlined.

- | | | | |
|---------------------------|-------------------------|----------------------|---------------------------|
| 1. A. <u>t</u> ight | B. typ <u>i</u> cal | C. rev <u>i</u> ve | D. descri <u>b</u> e |
| 2. A. <u>s</u> and | B. padd <u>y</u> | C. trib <u>a</u> l | D. trav <u>e</u> l |
| 3. A. call <u>s</u> | B. group <u>s</u> | C. hobb <u>i</u> es | D. organizat <u>i</u> ons |
| 4. A. <u>s</u> ight | B. <u>s</u> eat | C. <u>s</u> ugar | D. <u>s</u> easide |
| 5. A. <u>a</u> che | B. <u>ch</u> aos | C. <u>ch</u> arity | D. arch <u>a</u> eology |
| 6. A. rank <u>e</u> d | B. gain <u>e</u> d | C. prepar <u>e</u> d | D. prov <u>e</u> d |
| 7. A. cust <u>o</u> mer | B. outst <u>o</u> nding | C. <u>s</u> pecial | D. mus <u>i</u> c |
| 8. A. drou <u>g</u> ht | B. brou <u>g</u> ht | C. sou <u>r</u> ce | D. thou <u>g</u> ht |
| 9. A. weath <u>e</u> r | B. earth <u>h</u> | C. booth <u>h</u> | D. with <u>h</u> |
| 10. A. creatur <u>e</u> s | B. pupil <u>s</u> | C. planet <u>s</u> | D. human <u>s</u> |

Exercise 2: Find the word that has a different position of stress from the others.

- | | | | |
|---------------------|------------------|-----------------|-----------------|
| 1. A. alien | B. guarantee | C. chemical | D. interview |
| 2. A. connective | B. society | C. eruption | D. Japanese |
| 3. A. television | B. environment | C. economy | D. evacuate |
| 4. A. company | B. bachelor | C. battery | D. biology |
| 5. A. clarification | B. exploration | C. differential | D. radiography |
| 6. A. Chinese | B. trainee | C. agree | D. coffee |
| 7. A. earplug | B. erupt | C. severe | D. unique |
| 8. A. arrival | B. practical | C. natural | D. chemical |
| 9. A. especially | B. entertainment | C. technology | D. announcement |
| 10. A. accent | B. rubbish | C. substance | D. collapse |

Exercise 3: Choose the best answer (A, B, C or D).

- Recent _____ developments have made robots more user-friendly, and intelligent.
A. science B. scientist C. scientific D. scientifically
- Science and technology have _____ the life safe, secure and comfortable.
A. transformed B. made C. done D. changed
- She became a famous actress _____ the age of 18.
A. in B. on C. at D. to
- People often put a pad _____ the cup of coffee to keep clean.
A. between B. next to C. under D. opposite
- They live _____ a small house _____ the hill.
A. in - on B. behind - in C. in - above D. on - under
- We will stay _____ a hotel that is _____ the sea.
A. at - opposite B. at - in front
C. on - between D. within - opposite
- In the mid-19th century, scientists discovered that Mars had some similarities _____ Earth.
A. to B. with C. of D. from
- _____ message is convenient because you don't have to type text.
A. Text B. Voice C. Image D. thought
- Light bulb is one of the most important _____ of the past hundred years.
A. inventions B. transmissions C. explorations D. developments
- They use face recognition to _____ people.

- A. identify B. attack C. make D. invent
11. We are discussing on _____ in the solar system.
A. soldiers B. aliens C. robots D. planets
12. In the future we will use more _____ ways to communicate with each other.
A. advancing B. advance C. advanced D. advances
13. Many people add _____ to their text messages to express their feelings.
A. emojis B. pictures C. videos D. sound
14. When you look at the computer screen for too long, your _____ may get tired.
A. face B. hair C. hands D. eyes
15. Blaise Pascal _____ the calculator in 1642.
A. discovered B. invented C. recognized D. created
16. I still remember the violent _____ last year. It rained heavily with strong winds.
A. tornado B. flood C. tsunami D. storm
17. Scientists have been trying to find _____ of aliens.
A. amounts B. records C. traces D. sights
18. I _____ some rice on the floor of the chicken coop.
A. raised B. grew C. threw away D. scattered
19. People will take _____ of robots to do household chores.
A. chance B. condition C. success D. advantage
20. It is certain that robots will _____ the quality of our lives.
A. improve B. rise C. lift D. develop
21. Many people think the cyber world will _____ the real world.
A. take B. provide C. take place D. replace
22. The invention of penicillin is very useful because it has _____ lots of lives.
A. lost B. brought C. saved D. solved
23. There is a lot of interest in doing experiments in the _____ conditions.
A. weigh B. weighing C. weight D. weightless
24. Scientists believe that Mars also _____ seasons just as the Earth does.
A. spends B. experiences C. experiments D. takes
25. He works as a software _____, writing programs for IBM.
A. explorer B. engineer C. developer D. artist
26. Mike: "What did Mi say about having a robot to do housework?" - Lia: " _____"
A. She says it was helpful. B. She said it was helpful.
C. She said it will do all the boring chores. D. She says it would do all the boring chores.

27. Sara: "So, these are the themes we will concentrate on for this program."
Linda: " _____ but can you provide me with more information about the program?"
A. Great news for you B. I can't believe it
C. Sorry for interrupting D. I'm sorry to have to say this,
28. What do you mean by 'single-use'? - _____
A. Be used once only and then thrown away. B. I will recycle single-use things.
C. I rarely use this word. D. It's just an adjective.
29. Peter: "Have they found a cure against this virus?"
Anthony: " _____ But people say so."

- A. use B. will use C. would use D. would have used
49. He _____ me, "What do you think aliens look like?"
A. told B. asked C. said D. wondered
50. Charlotte asked Caroline what her favorite films about aliens _____.
A. are B. have been C. were D. will be
51. She asked how much _____ about our Solar System.
A. do you know B. you know C. you knew D. you will know
52. Hannah asked Alison _____ earth-like planets the Milky Way might have.
A. whether B. if C. how many D. what
53. William asked Gwen whether Will Allen be able to come _____.
A. that day B. the day after C. the following day D. tomorrow
54. Santiago asked Gabriel, "What _____ the most distant black hole ever seen?"
A. is B. has been C. had been D. would be
55. She wanted to know where _____ on Mars.
A. did Perseverance land B. Perseverance landed
C. Perseverance lands D. Perseverance land
56. Daniel asked Nolan if he would help him learn about constellations _____.
A. tomorrow night B. the night after tomorrow
C. next night D. that night
57. He asked, "How many planets _____ in the Solar System?"
A. is there B. there is C. are there D. there are

Exercise 4: Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. Our teachers often give feedback on our school work.
A. comment B. mark C. answer D. correction
2. Oil has been discovered under the North Sea.
A. found B. hidden C. dug D. covered
3. Is there a high rate of truancy among schoolchildren?
A. arrival B. attendance C. absence D. presence
4. Students seem to be unable to concentrate for very long in their classes.
A. focus B. distract C. ignore D. attract
5. Science and technology also have enormous effects on economic development.
A. influences B. advantages C. reason D. sides
6. We waited for ages, and you never arrived!
A. showed up B. turned off C. showed on D. turned on
7. The mid-term test was a piece of cake. Most students get high marks.
A. bad B. tasty C. easy D. difficult
8. Anna said that she wanted to have a telescope to observe the distant stars at night.
A. stare B. see C. look D. watch

Exercise 5: Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. Old people sometimes complain about their problems with modern technology.
A. complain B. explain C. compliment D. comment
2. She cried excitedly when she heard that scientific result.
A. happily B. disappointedly C. delightedly D. interestedly

3. It's quite **convenient** when using Google Meet for video conferencing.
A. inconvenient B. helpful C. supporting D. useless
4. 3D contact lenses will be **available**.
A. accessible B. vacant C. unavailable D. offered
5. Do your children feel more **stressed** when learning online?
A. worried B. anxious C. tensed D. relaxed
6. Schools can use biometric applications for students who **borrow** books and equipment.
A. receive B. get C. lend D. take
7. This river will soon become **contaminated** if the people here keep dumping waste into it.
A. unpolluted B. polluted C. dirty D. dangerous
8. Your body has no difficulty swallowing or digesting food in **weightlessness**.
A. weight B. levity C. gravity D. zero gravity

Exercise 6: Choose the underlined part that needs correcting.

1. The first phone with a camera appeared on May 1999.
A. first B. with C. camera D. on
2. The students said me that they used Google Meet for video conferencing.
A. said B. they C. for D. conferencing
3. They wanted to know what the scientists were searching for planets that were similar in size to Earth.
A. wanted B. what C. were D. were
4. Some books of us were stolen in the library last week.
A. books B. us C. in D. last
5. Last Tuesday, Mai said to me that she was having an English test tomorrow.
A. Last B. to C. was D. tomorrow
6. Ronnie said to her colleagues that they would successfully achieve its goal.
A. said to B. that C. would D. its
7. I told to him that if he ever betrayed me, he would be no brother of mine.
A. to B. ever betrayed C. would D. no brother of mine
8. She asked him where he would be the following day in case she has to call him.
A. him b. the following day C. has to D. him
9. Signs are used by not only the deaf but also those who are unable to physical speak and children of deaf adults.
A. not only B. but also C. physical D. deaf
10. People enjoy to use emojis because they help communicate more effectively.
A. to use B. because C. communicate D. effectively
11. The Internet connection is not always enough good for us to study online.
A. The B. is C. enough good D. study online
12. The MC said that robots will replace people to perform dangerous work in the future.
A. said B. will C. to perform D. in the future

Exercise 7: Read the following passage and choose the option (A, B, C or D) that best answers each of the questions below.

Nobody can deny that technology development has done a lot to make our lives much better. However, there are some questions that worry us: will technology replace us in personal communication?

What if humans no longer feel the need to communicate in person?

Nowadays, with just one click, we can communicate with anyone, from anywhere through emails, video calls, messages, and other social media. It's quick and convenient. No trouble for dressing up or travelling for a personal meeting. We might become addicted to having conversations online instead of in person.

What if emojis become the only way we express our emotions?

There are various emojis that we can now use with an email or message to express our different emotions: a smiley or crying face, a winked eye, or an o-shaped mouth. The emojis are still increasing in number. We might no longer need facial expressions because the emojis do it for us, and the person in the chat box gets it from us. The future is perhaps for our generation to decide.

1. We are worried that technology will _____ humans in personal communication.
A. harm B. replace C. change D. laugh at
2. Communicating with people has become _____.
A. expensive B. emotional C. troublesome D. easy
3. The number of emojis is _____.
A. big B. limited C. small D. unknown
4. In future 'conversations', it's _____ that we no longer need facial expressions.
A. amusing B. certain C. possible D. for sure
5. This passage is concerned _____ in personal communication.
A. how we will use emojis B. technology will participate
C. if dressing up is necessary D. if technology will replace humans

Exercise 8: Read the following passage and choose the word or phrase that best fits the gap.

Over the last centuries, our world has been lucky enough to see many important inventions, which have brought many positive changes to human life. One of those (1) _____ is "Telephone", which was invented by Alexander Graham Bell (2) _____ 1876. It is a device that converts sound and electrical (3) _____ into audible relays and is used for communication by (4) _____ a microphone and speakers. The positive influence of (5) _____ can be seen in the ease of communication and carrying on with our daily activities 24 hours a day and 365 days a year without any (6) _____. It has led to the (7) _____ of city centres, office buildings and the concept of an urban worker society.

1. A. movements B. inventions C. interactions D. improvements
2. A. in B. on C. at D. by
3. A. waves B. days C. stars D. gases
4. A. used B. use C. usage D. using
5. A. speakers B. telephone C. microphone D. society
6. A. interrupt B. interrupting C. interrupted D. interruption
7. A. shrinkage B. influence C. reduction D. development

Exercise 9: Read the following passage and choose the word or phrase that best fits the gap.

Science and technology have made our lives more comfortable. Cooking, sleeping and travelling are getting (1) _____ and faster with the help of modern devices like microwaves, air-conditioning, and cars. Thanks to (2) _____ appearance of smart phones, we can (3) _____ and share information with other people around the world. Information technology including the internet is a great (4) _____ of technology. With the help of the Internet, we can get tremendous knowledge in science and other fields. Technology also (5) _____ an

important role in business. Many (6) _____ transactions and events take place through the computer. This can help you save time and money for your business.

- | | | | |
|-----------------|---------------|-----------------|--------------|
| 1. A. easy | B. easier | C. more easily | D. easily |
| 2 A. x | B. an | C. a | D. the |
| 3. A. believe | B. receive | C. communicate | D. think |
| 4. A. invention | B. invent | C. inventor | D. inventing |
| 5. A. takes | B. makes | C. brings | D. plays |
| 6. A. commerce | B. commercial | C. commercially | D. commerces |

Exercise 10: Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one.

- Ms. Hong is one of my friends.
=> Ms. Hong is a
- That garden belongs to the Smith family
=> That is
- "I'm feeling better today." said Kate.
=> Kate said
- "I'm going to visit your house next month." said Susan.
=> Susan told
- "What are you going to do at the weekend?" Nam asked me.
=> Nam asked me
- "How do astronauts live in the outer space?" She asked.
=> She asked
- They predict the hurricane won't hit the city, but the residents still get prepared for the worst.
=> Although
- He spent lots of time doing this experiment.
=> It
- My teacher will send me the article when she has the Internet connection.
=> As soon as
- "Are there any aliens on the other planets?" She asked.
=> She wanted to know

Exercise 11: Make sentences, using the words and phrases below.

- She/ often/ make/ friends/ foreigners/ in/ chat room.
=>
- Learn/ English/ help/ him/ get over/ the/ language barriers.
=>
- Nam / think / cyberworld / replace / real world / future / .
=>
- I/ think/ online classes/ convenient/ for/ the students/ remote regions.
=>
- I/ wear/ 3D contact lenses/ prevent/ my eyes/ getting tired.
=>
- I / sleep / while / sister / do gardening / yesterday afternoon.
=>
- They / sit / rooftop / their house / when / rescue workers / appear.
=>
- What/ you/ do/ 9:00 p.m./ last night?

=>

9. There / be / many craters / surface of the moon /.

=>

10. Saturn / second largest planet / solar system / ?

=>

BGH duyệt

Nhóm chuyên môn

Người lập

Trần Thị Thanh Hà

Bùi Thị Thu Hạnh

Nguyễn Lan Hương

I. Lý thuyết: Ôn tập chương VII. Sinh học cơ thể người gồm các nội dung sau:

- Khái quát cơ thể người
- Hệ vận động ở người
- Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người
- Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người
- Hệ hô hấp ở người; Hệ bài tiết ở người
- Điều hoà môi trường trong cơ thể người
- Hệ thần kinh và các giác quan ở người
- Hệ nội tiết ở người
- Da và điều hoà thân nhiệt ở người

II. Cấu trúc đề: 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

III. Bài tập tự luận

Câu 1: Phân biệt tuyến yên và tuyến giáp

Câu 2: So sánh tuyến tụy và tuyến sinh dục

Câu 3: Xác định tên và chức năng các thành phần của máu trong hình bên?

Câu 4: a. Kháng nguyên – kháng thể là gì? Thế nào là cơ chế chìa khoá - ổ khoá?

b. Miễn dịch là gì? Nêu cơ chế miễn dịch của cơ thể?

Câu 5: Vì sao người lớn có thể bài xuất nước tiểu theo ý muốn? Ở trẻ nhỏ có hiện tượng tiểu đêm trong giấc ngủ (tè dầm).

Câu 6: Để kéo dài sự sống cho những người bị bệnh suy thận, tại sao người ta thường phải chạy thận nhân tạo hoặc ghép thận?

Câu 7: Nêu quan điểm của em về tính nhân văn của việc hiến thận.

IV. Một số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Các hệ cơ quan trong cơ thể người gồm

A. hệ vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hoá, hệ bài tiết, hệ thần kinh và các giác quan, hệ nội tiết, hệ sinh dục.

B. hệ cơ, hệ xương, hệ tuần hoàn, hệ dinh dưỡng, hệ bài tiết, hệ da, hệ thần kinh, hệ các giác quan, hệ nội tiết, hệ sinh dục.

C. hệ vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ da, hệ nội tiết, hệ thần kinh, hệ các giác quan, hệ nội tiết, hệ sinh sản.

D. hệ cơ, hệ xương, hệ máu, hệ dinh dưỡng, hệ bài tiết, hệ da, hệ thần kinh, hệ các giác quan, hệ nội tiết, hệ sinh sản, hệ hô hấp.

Câu 2. Chất hữu cơ đảm bảo cho xương có tính

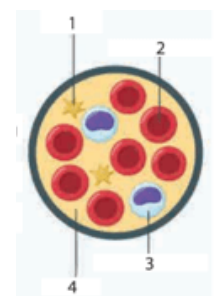
A. chắc chắn. B. mềm dẻo. C. đàn hồi. D. bền chắc.

Câu 3. Khớp bất động là khớp nào?

A. Khớp ở hộp sọ. B. Khớp gối. C. Khớp khuỷu. D. Khớp giữa các đốt sống.

Câu 4. Vận động sai tư thế KHÔNG gây ra bệnh nào?

A. Bong gân. B. Trật khớp. C. Gãy xương. D. Viêm cơ.



Câu 5. Dinh dưỡng là

- A. quá trình tổng hợp các chất cần thiết cho cơ thể.
- B. quá trình đào thải chất độc hại ra khỏi cơ thể.
- C. quá trình phân giải các chất hữu cơ trong tế bào, giải phóng năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của cơ thể.
- D. quá trình đào thải chất dinh dưỡng.

Câu 6. Loại thực phẩm nào cung cấp nhiều chất bột đường?

- A. Thịt, cá.
- B. Rau, củ, quả.
- C. Ngũ cốc.
- D. Sữa và sản phẩm từ sữa.

Câu 7. Hình bên cho biết giá trị dinh dưỡng trong 100ml sữa, hãy cho biết trong 100ml sữa cung cấp bao nhiêu năng lượng?

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml ¹⁾		
Nutritional information per 100 ml		
Năng lượng/ Energy	71,6	kcal
Chất béo/ Fat	3,6	g
Chất đạm/ Protein	3,0	g
Hydrat carbon/ Carbohydrate	6,8	g
Vitamin A/ Vitamin A	250	IU
Vitamin D3/ Vitamin D3	165	IU
Calcium/ Calcium	110	mg
Phosphor/ Phosphorus	90	mg
Selen/ Selenium	7,6	µg

- A. 3.6 kcal.
- B. 165 kcal.
- C. 71,6 kcal.
- D. 90 kcal.

Câu 8. Nguyên nhân gây ra bệnh viêm loét dạ dày – tá tràng là do loại vi khuẩn nào?

- A. Helicobacter pylori
- B. Human Papillomavirus
- C. Mycobacterium tuberculosis
- D. Lactobacillus acidophilus

Câu 9. Giả sử một người bệnh có nhóm máu B cần được truyền máu, người này có thể nhận những nhóm máu nào?

- A. B và AB
- B. B và O
- C. A, B và AB
- D. B và A

Câu 10. Quá trình trao đổi khí thực hiện tại

- A. xoang mũi.
- B. thanh quản.
- C. khí quản.
- D. phế nang.

Câu 11. Hệ tuần hoàn giúp vận chuyển

- A. O₂ từ phế nang đi vào mao mạch phổi và CO₂ từ mao mạch phổi đi ra phế nang.
- B. O₂ từ phế nang đến tế bào và CO₂ từ tế bào đi ra phế nang.
- C. CO₂ từ phế nang đi vào mao mạch phổi và O₂ từ mao mạch phổi đi ra phế nang.
- D. CO₂ từ phế nang đến tế bào và O₂ từ tế bào đi ra phế nang.

Câu 12. Khi thực hiện phương pháp ấn lồng ngực, cần thực hiện ấn mạnh

- A. khoảng 12 đến 20 lần/phút cho tới khi hô hấp của nạn nhân được ổn định.
- B. khoảng 15 đến 20 lần/phút cho tới khi hô hấp của nạn nhân được ổn định.
- C. khoảng 12 đến 30 lần/phút cho tới khi hô hấp của nạn nhân được ổn định.
- D. khoảng 15 đến 30 lần/phút cho tới khi hô hấp của nạn nhân được ổn định.

Câu 13. Bản chất của cầu thận là

- A. búi mao mạch máu.
- B. 1 cái túi gồm 2 lớp bao quanh cầu thận.
- C. tế bào.
- D. cơ quan.

Câu 14. Hệ bài tiết có chức năng

- A. lọc và thải ra ngoài môi trường các chất cặn bã do tế bào tạo ra trong quá trình trao đổi chất và các chất có thể gây độc cho cơ thể.
- B. vận chuyển các chất dinh dưỡng oxygen, hormone,... đến các tế bào và vận chuyển chất thải từ tế bào đến các cơ quan bài tiết để thải ra ngoài.
- C. giúp cơ thể lấy khí oxygen từ môi trường và thải khí carbon dioxide ra khỏi cơ thể.

D. thu nhận các kích thích từ môi trường, điều khiển, điều hoà hoạt động của các cơ quan, giúp cơ thể thích nghi với môi trường.

Câu 15. Tại sao có người vừa uống nước xong đã buồn đi tiểu ngay?

- A. Người đó bị suy thận.
- B. Lượng nước uống vào quá nhiều.
- C. Thận làm việc tốt.
- D. Nước được hấp thụ vào máu bởi dạ dày, ruột và sẽ được các cơ quan trong cơ thể "theo dõi" ngay lập tức.

Câu 16. Khi hai thận của một bệnh nhân không đáp ứng được chứng năng lọc máu để thải các chất độc, chất thừa ra khỏi cơ thể thì được gọi là

- A. suy thận giai đoạn cuối.
- B. viêm thận giai đoạn cuối.
- C. suy thận giai đoạn đầu.
- D. viêm thận giai đoạn đầu.

Câu 17. Nếu hàm lượng uric acid trong máu thường xuyên ở mức cao sẽ gây bệnh

- A. tim mạch.
- B. đái tháo đường.
- C. gout.
- D. béo phì.

Câu 18. Tai có cấu tạo gồm

- A. tai ngoài, tai giữa, tai trong.
- B. tai và ốc tai.
- C. tai, dây thần kinh thính giác và trung khu thính giác ở não bộ.
- D. tai, màng nhĩ, ốc tai và tế bào thụ cảm âm thanh.

Câu 19. Bệnh về mắt bao gồm

- A. viêm kết mạc, đục thủy tinh thể, cận thị.
- B. cận thị, lẹo mắt, tăng nhãn áp.
- C. tăng nhãn áp, viêm giác mạc.
- D. cận thị, viễn thị, loạn thị.

Câu 20. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa là do

- A. vi sinh vật gây viêm họng và vi sinh vật gây viêm tai giữa luôn cùng chủng loại với nhau.
- B. vi sinh vật gây viêm họng có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.
- C. vi sinh vật gây viêm họng có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.
- D. vì trẻ em viêm họng thường ở bản.

Câu 21. Khẩu phần ăn thiếu iodine có thể dẫn đến

- A. Bệnh mù lòa.
- B. Bệnh bướu cổ.
- C. Bệnh đái tháo đường.
- D. Vô sinh.

Câu 22. Vỏ bọc bên ngoài của cơ thể là

- A. Da.
- B. Máu.
- C. Lớp mỡ dưới da.
- D. Lớp bì.

Câu 23. Da được cấu tạo từ

- A. lớp lông, lớp bì, lớp mỡ.
- B. lớp mao mạch và biểu bì.
- C. lớp biểu bì, lớp bì và lớp mỡ dưới da.
- D. lớp thụ quan và tuyến mồ hôi.

Câu 24. Nhiệt độ bình thường của cơ thể người khoảng

- A. 36°C.
- B. 37°C.
- C. 38°C.
- D. 39°C.

Câu 25. Khi nhiệt độ cơ thể quá cao, não sẽ gửi tín hiệu đến mao mạch và tuyến mồ hôi để kích thích sự giãn mạch và tăng tiết mồ hôi để cho cơ thể.

- A. tăng sinh nhiệt.
- B. tăng tỏa nhiệt.
- C. tăng phản xạ cơ thể.
- D. tăng co cơ.

Ban giám hiệu duyệt

Tổ CM duyệt

Nhóm CM duyệt

Trần Thị Thanh Hà

Khổng Thu Trang

Thái Thị Thu Mơ

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Phần Lịch sử:

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài sau:

- Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896.
- Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ thế kỉ XX đến năm 1917.

II. Phần Địa lí:

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 11, 12.

2. Nội dung chính:

- Phạm vi biển Đông. Vùng biển và đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.
- Môi trường tài nguyên biển đảo Việt Nam.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

- 50% trắc nghiệm + 50% tự luận.

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. Phần Lịch sử

Câu 1. Chỉ ra sự khác nhau giữa cuộc khởi nghĩa Yên Thế với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương.

Câu 2. Vì sao nói cuộc khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?

Câu 3. Hãy tóm tắt ngắn gọn những hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành từ năm 1911 đến năm 1917. Vì sao Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi mới, khác với các nhà yêu nước tiền bối?

Câu 4. Giới thiệu ngắn gọn về một công trình kiến trúc thời Pháp thuộc vẫn được bảo tồn đến ngày nay ở địa phương em.

II. Phần Địa lí

Câu 1: Việt Nam là quốc gia biển, từ bao đời cuộc sống của dân tộc Việt Nam đã gắn bó với biển. Em hãy nêu một số hiểu biết của mình về vùng biển Việt Nam.

Câu 2: Trình bày vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên của quần đảo Trường Sa.

Câu 3: Trình bày vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. Bản thân em có thể làm gì để góp phần bảo vệ môi trường biển đảo?

Câu 4: Lập sơ đồ thể hiện các tài nguyên ở vùng biển và thềm lục địa Việt Nam.

----- Hết -----

BGH

TỔ, NHÓM CM

Trần Thị Thanh Hà

Nguyễn Thị Thu Huyền
Linh

Trần Thị

A. Phạm vi ôn tập.

1. Nội dung kiến thức

Chương III: An toàn điện

Chương IV: Kỹ thuật điện

2. Các dạng câu hỏi

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan.
- Câu hỏi tự luận.
- Bài tập giải quyết vấn đề thực tiễn.

B. Cấu trúc đề kiểm tra

I. Trắc nghiệm: gồm 20 câu hỏi, mỗi câu 0,25 điểm

II. Tự luận: gồm 03 câu hỏi và bài tập

C. Một số câu hỏi tham khảo

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Bộ phận truyền dẫn là?

- A. Rơ le điện
- B. Dây dẫn, cáp điện
- C. Cầu dao điện
- D. Bếp điện

Câu 2: Thiết bị có chức năng đóng cắt và bảo vệ mạch điện là?

- A. Công tắc
- B. Cầu dao điện
- C. Cầu chì
- D. Aptomat

Câu 3: Chức năng của nguồn điện là

- A. cung cấp điện cho mạch điện hoạt động
- B. đóng, cắt mạch điện
- C. dẫn điện từ nguồn điện đến phụ tải điện
- D. điều khiển và bảo vệ mạch khi gặp sự cố

Câu 4: Cầu chì có công dụng gì?

- A. Bảo vệ an toàn cho đồ dùng điện
- B. Bảo vệ an toàn cho mạch điện
- C. Bảo vệ an toàn cho đồ dùng điện và mạch điện
- D. Đóng, cắt mạch điện

Câu 5: Đây là kí hiệu phần tử nào trong mạch điện điều khiển?

A ———

- A. Dây pha
- B. Dây trung tính
- C. Nguồn một chiều
- D. Cầu chì

Câu 6: Cấu trúc chung của mạch điện gồm mấy thành phần chính?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 7: Sơ đồ khối cấu trúc chung của mạch điện là

- A. Truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ → Nguồn điện → Phụ tải
- B. Phụ tải → Truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ → Nguồn điện
- C. Nguồn điện → Truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ → Phụ tải
- D. Nguồn điện → Phụ tải → Truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ

Câu 8: Sơ đồ khối mạch điện điều khiển là

- A. Cảm biến, bộ phận xử lý điều khiển → Nguồn điện → Đối tượng điều khiển
- B. Đối tượng điều khiển → Cảm biến, bộ phận xử lý điều khiển → Nguồn điện
- C. Nguồn điện → Cảm biến, bộ phận xử lý điều khiển → Đối tượng điều khiển
- D. Nguồn điện → Đối tượng điều khiển → Cảm biến, bộ phận xử lý điều khiển

Câu 9: Có loại cảm biến nào sau đây?

- A. Cảm biến ánh sáng
- B. Cảm biến ánh sáng, cảm biến nhiệt độ
- C. Cảm biến ánh sáng, cảm biến nhiệt độ, cảm biến màu sắc

D. Cảm biến ánh sáng, cảm biến nhiệt độ, cảm biến màu sắc, cảm biến độ ẩm

Câu 10. Cho biết tên gọi của loại cảm biến sau?



A. Cảm biến ánh sáng

B. Cảm biến nhiệt độ

C. Cảm biến hồng ngoại

D. Cảm biến độ ẩm

Câu 11. Công dụng của mô đun cảm biến ánh sáng là gì?

A. Biến đổi ánh sáng thành tín hiệu điều khiển.

B. Biến đổi độ ẩm của môi trường thành tín hiệu điều khiển.

C. Biến đổi nhiệt độ của môi trường thành tín hiệu điều khiển.

D. Biến đổi nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm của môi trường thành tín hiệu điều khiển.

Câu 12: Mô đun cảm biến hồng ngoại được sử dụng như nào trong đời sống?

A. Bật, tắt đèn tự động khi có người đi lại

B. Đóng mở tự động rèm cửa

C. Sử dụng trong máy tạo ẩm

D. Sử dụng trong máy điều hòa không khí

khí

Câu 13: Sắp xếp các bước sau theo quy trình lắp ráp một mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến

1. Chuẩn bị

2. Vận hành mạch điện

3. Tìm hiểu sơ đồ mạch điện

4. Lắp ráp mạch điện

5. Tìm hiểu về mô đun cảm biến

A. 1 - 2 - 3 - 4 - 5

B. 3 - 2 - 1 - 5 - 4

C. 5 - 3 - 1 - 4 - 2

D. 5 - 4 - 2 - 1 - 3

Câu 14: Ở bước nào cần yêu cầu cấp nguồn và kiểm tra hoạt động của mạch điện?

A. Tìm hiểu sơ đồ mạch điện

B. Chuẩn bị

C. Lắp ráp mạch điện

D. Vận hành mạch điện

Câu 15: Nội dung thực hiện ở bước chuẩn bị là?

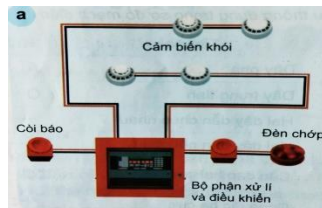
A. Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu và thiết bị theo sơ đồ mạch điện

B. Xác định thành phần chính và đầu nối của mạch điện

C. Xác định vị trí cổng đầu vào, cổng ra của mô đun

D. Cấp nguồn, kiểm tra hoạt động của mạch điện; đánh giá và điều chỉnh

Câu 16: Quan sát mạch điện điều khiển sau và cho biết nó sử dụng mô đun cảm biến nào?



A. Mô đun cảm biến ánh sáng

B. Mô đun cảm biến nhiệt độ

C. Mô đun cảm biến khói

D. Mô đun cảm biến tiệm cận

Câu 17. Bước 1 của quy trình lắp ráp mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến là?

A. Tìm hiểu về mô đun cảm biến

B. Tìm hiểu về sơ đồ mạch điện

C. Chuẩn bị

D. Lắp ráp mạch điện

Câu 18. Nghề nào thuộc ngành nghề kỹ sư điện?

A. Kỹ sư cơ điện

B. Kỹ thuật viên kỹ thuật truyền tải điện

C. thợ lắp đặt đường dây điện

D. thợ sửa chữa điện gia dụng

Câu 19. Quy trình lắp ráp mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến gồm có mấy bước?

A. 1

B. 3

C. 5

D. 6

Câu 20. Người lao động trong ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện cần đáp ứng mấy yêu cầu chính?

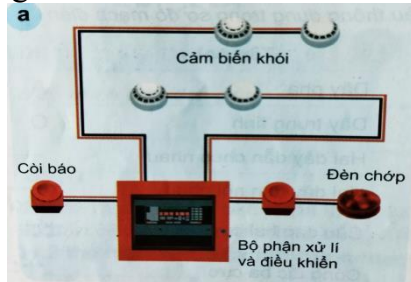
- A. 1
- C. 3

- B. 2
- D. 4

II. Tự luận

Câu 1: Em hãy nêu các bước lắp ráp mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến?

Câu 2: Em hãy quan sát hình sau và cho biết tên, chức năng của các thiết bị cảm biến, đối tượng điều khiển?



Câu 3: Em hãy đề xuất lựa chọn loại mô đun cảm biến cho một mạch điện chiếu sáng tự động. Nêu vai trò của mô đun cảm biến trong mạch điện đó?

Câu 4: Em hãy trình bày một số yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực kỹ thuật điện?

Câu 5: Em cần làm gì khi thấy một người bị điện giật trong lúc sử dụng máy giặt bị rò điện ra vỏ?

ĐẠI DIỆN NHÓM CM

TỔ NHÓM CM

BAN GIÁM HIỆU

Lê Duy Hải

Nguyễn Thế Mạnh

Trần Thị Thanh Hà

A. 3.14*R

C. 3.14*R*R

B. 3.14*2*R

D. 3.14*R+R

Câu 18: Trong các ngôn ngữ lập trình, dữ liệu được phân loại thành những kiểu khác nhau để

A. lưu trữ dữ liệu

C. lưu trữ và áp dụng những phép toán phù hợp

B. áp dụng những phép toán phù hợp

D. dễ dàng tính toán

Câu 19: Mỗi kiểu dữ liệu gồm

A. một tập hợp giá trị

B. một số phép toán

C. một tập hợp giá trị và một số phép toán trên những giá trị đó

D. các biến, hằng.

Câu 20: Trong các ngôn ngữ lập trình thì cái gì được phân loại thành kiểu logic?

A. Kí tự

C. Các điều kiện hay các phép so sánh

B. Văn bản

D. Số

Câu 21: Đâu là dữ liệu kiểu số?

A. Số nguyên, số thực, số tự nhiên

C. Đúng (true), sai (false)

B. Dãy kí tự

D. Một kí tự

Câu 22: Biến nhận dữ liệu kiểu nào?

A. Kiểu số.

C. Kiểu logic.

B. Kiểu Xâu kí tự

D. Kiểu số, kiểu xâu kí tự hoặc kiểu logic

Câu 23 Lệnh “Rotate Right; Rotate Left; Flip Vertical; Flip Horizontal”. Đây là các câu lệnh sử dụng với mục đích gì?

A. Tạo hiệu ứng, thêm chữ vào hình vẽ

C. Định dạng nền, đường viền, nét vẽ của hình vẽ

B. Lật, xoay hình vẽ

D. Vẽ đồ họa bằng mẫu có sẵn

Câu 24: Công cụ giúp bài trình chiếu có giao diện thống nhất, chuyên nghiệp mà không mất thời gian là

A. Mẫu định dạng

B. Bản mẫu (template)

C. Hiệu ứng

D. Hình ảnh đẹp

Câu 25: Một bài trình chiếu đẹp, chuyên nghiệp là

A. có nhiều hình ảnh

C. sự phối hợp của nội dung, bố cục và màu sắc

B. có nhiều chữ

D. màu sắc sặc sỡ

Câu 26: Chọn phát biểu đúng

A. Văn bản trên trang chiếu cần ngắn gọn, súc tích

B. Văn bản trên trang chiếu càng chi tiết, đầy đủ càng tốt

C. Sử dụng càng nhiều màu sắc cho văn bản trên trang chiếu càng giúp người xem tập trung

D. Sử dụng nhiều loại phong chữ cho văn bản trên trang chiếu sẽ thu hút được sự chú ý của người xem

Câu 27: Câu lệnh của vẽ hình đồ họa bằng mẫu có sẵn như nào?

A. Chọn Insert, nhấn nút lệnh Shapes, chọn một mẫu có sẵn. Khi con trỏ có dấu thực hiện kéo thả trên trang văn bản để vẽ hình tại vị trí mình mong muốn.

B. Chọn Insert, chọn mẫu có sẵn, khi con trỏ có dấu thực hiện kéo thả trên trang văn bản để vẽ hình tại vị trí mình mong muốn

C. Chọn một mẫu có sẵn, khi con trỏ có dấu thực hiện kéo thả trên trang văn bản để vẽ hình

D. Chọn Draw, chọn Drawing Canvas

Câu 28: Mẫu định dạng là

A. Một tập hợp màu sắc, phong chữ và hình ảnh

B. Một tập hợp chữ viết xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất và chuyên nghiệp

C. Một tập hợp màu sắc, phông chữ và hiệu ứng hình ảnh được xác định trước giúp bài trình chiếu có một giao diện thống nhất, chuyên nghiệp

D. Đáp án khác

Câu 29: Các thao tác không thể thực hiện với bản mẫu

A. Chỉnh sửa

B. Chia sẻ

C. Thống kê

D. Tái sử dụng

Câu 30: Làm thế nào để lưu bài trình chiếu dưới dạng video:

A. Mở tệp bài trình chiếu, chọn File/Save as (chọn thư mục lưu tệp), chọn Save

B. Mở tệp bài trình chiếu, chọn File/Save as nhấp chuột phải vào mũi tên bên phải ô Save as type (chọn *.mp4 hoặc *.wmv) chọn Save

C. Mở tệp bài trình chiếu, chọn File/Save as(chọn thư mục lưu tệp) nhấp chuột phải vào mũi tên bên phải ô Save as type (chọn *.mp4 hoặc *.wmv) chọn Save

D. Mở tệp bài trình chiếu, chọn File/Save as(chọn thư mục lưu tệp) nhấp chuột phải vào mũi tên bên phải ô Save as type (chọn *.mp4 hoặc *.wmv)

II. Phần tự luận

Câu 1: Nêu khái niệm kiểu dữ liệu? Có mấy kiểu dữ liệu?

Câu 2: Trình bày hiểu biết của em về hằng, biến, biểu thức?

Câu 3: Lợi ích của việc mô tả thứ tự thực hiện các câu lệnh bằng cấu trúc điều khiển? Kể tên các cấu trúc điều khiển cơ bản đã học?

Câu 4: Nêu hiểu biết của em về bản mẫu trong phần mềm trình chiếu?

BGH duyệt

Tô/nhóm CM duyệt

Nhóm Tin

Trần Thị Thanh Hà

Nguyễn Thế Mạnh

Nguyễn Thị Nhàn

A. Phạm vi ôn tập

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

- Phòng chống bạo lực gia đình.
- Lập kế hoạch chi tiêu.
- Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
- Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.

*** Yêu cầu:**

- Học sinh nắm được kiến thức phần nội dung bài học (Phần kiến thức đóng khung trong SGK)
- Xem lại phần luyện tập, vận dụng trong SGK.

II. Các dạng câu hỏi:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan.
- Câu hỏi tự luận.
- Bài tập giải quyết vấn đề thực tiễn.
- Tìm và giải thích được một số tục ngữ, thành ngữ, ca dao, danh ngôn liên quan đến chủ đề.
- Liên hệ bản thân.

B. Cấu trúc đề kiểm tra

I. Trắc nghiệm: gồm 20 câu hỏi. Mỗi câu 0.25 điểm

II. Tự luận: gồm 02 câu hỏi và bài tập tự luận

C. Một số câu hỏi tham khảo

I. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) nghiêm cấm thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Sở hữu vũ khí thô sơ là hiện vật để trưng bày, triển lãm, đồ gia bảo.
- B. Tố cáo những người hành vi mua bán trái phép vũ khí, vật liệu nổ.
- C. Tố giác những người có hành vi nghiên cứu, chế tạo trái phép vũ khí.
- D. Lợi dụng, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ để xâm phạm an ninh quốc gia.

Câu 2. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng nguy cơ dẫn đến tai nạn cháy, nổ?

- A. Nắng nóng gay gắt, kéo dài.
- B. Thiết bị điện bị quá tải.
- C. Hàn, khò các vật liệu dễ cháy.
- D. Bảo quản thực phẩm sai cách.

Câu 3. Hành vi của nhân vật nào dưới đây có thể gây ra tai nạn về cháy, nổ?

- A. Chị S để các hóa chất dễ cháy ở xa khu vực bếp.
- B. Anh T tố cáo hành vi tàng trữ thuốc nổ của ông X.
- C. Anh V mua thuốc nổ về tự chế pháo để bán kiếm lời.
- D. Chị M gọi lực lượng cứu hỏa khi phát hiện đám cháy.

Câu 4. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong khái niệm sau: “..... là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội”.

- A. Lao động.
- B. Sáng tạo.
- C. Siêng năng.
- D. Kiên trì.

Câu 5. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong khái niệm sau: “..... là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động”.

- A. Kỉ luật lao động.
- B. Hợp đồng lao động.
- C. Nội quy lao động.
- D. Nội quy làm việc.

Câu 6. Vai trò của lao động đối với sự tồn tại và phát triển của nhân loại là

- A. nhân tố quyết định.
- B. điều kiện.
- C. tiền đề.
- D. động lực.

Câu 7. Mọi công dân có nghĩa vụ lao động để làm gì?

- A. Để tạo áp lực với người khác. B. Để thống trị nền kinh tế thị trường.
C. Để cho tất cả mọi người trong xã hội. D. Để nuôi sống bản thân.

Câu 8. Khi có cháy nổ xảy ra, chúng ta cần gọi đến đầu số nào sau đây?

- A. 113. B. 114. C. 115. D. 119.

Câu 9. Dầu hỏa được xem là loại chất nào trong các chất sau đây?

- A. Chất độc hại. B. Chất cháy. C. Chất nổ. D. Vũ khí.

Câu 10. N vừa đủ 15 tuổi, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, N đã nghỉ học và muốn có việc làm để phụ giúp gia đình. Theo em, N có thể tìm việc làm bằng cách nào dưới đây?

- A. Làm việc cho bất cứ người sử dụng lao động nào.
B. Xin vào biên chế, làm việc cho cơ quan Nhà nước.
C. Nhận hàng của cơ sở sản xuất về làm gia công.
D. Vay vốn ngân hàng để lập cơ sở sản xuất và thuê thêm lao động.

Câu 11. Cơ quan, tổ chức nào được nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa vũ khí?

- A. Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc Phòng và Bộ Công an.
B. Cá nhân.
C. Công ty tư nhân.
D. Tổ chức phản động.

Câu 12. Người lao động có nghĩa vụ

- A. chấp hành kỉ luật lao động, nội quy lao động.
B. tuân theo mọi sự phân công, điều động của cấp trên.
C. không được nghỉ chế độ khi cơ sở lao động đang nhiều việc.
D. làm việc trong điều kiện không bảo đảm an toàn do đặc thù công việc.

Câu 13. Sau khi kí hợp đồng lao động với công ty X về tiền công, thời gian lao động và các điều kiện khác, chị M được nhận vào công ty với thời gian làm việc ban đầu trong hợp đồng là 12 tháng. Vừa hết 12 tháng, chị gửi đơn xin nghỉ việc vì lý do cá nhân. Trong trường hợp này chị M đã

- A. vi phạm hợp đồng lao động. B. không vi phạm hợp đồng lao động.
C. vi phạm nội quy công ty. D. không vi phạm nội quy công ty.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền lao động của công dân?

- A. Sở hữu tài sản.
B. Mở trường dạy học đào tạo nghề.
C. Thuê trẻ em 14 tuổi vào làm việc.
D. Sử dụng sức lao động của mình để làm bất cứ ngành nghề nào.

Câu 15. Để phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại, chúng ta cần thực hiện và ủng hộ việc làm nào sau đây?

- A. Tìm hiểu và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.
B. Sản xuất, tàng trữ, mua bán và đốt pháo nổ.
C. Cưa bom, mìn, đạn để lấy thuốc súng, sắt phế liệu.
D. Đùa nghịch với vũ khí, bom, mìn hoặc vật liệu nổ.

Câu 16: Việc lập kế hoạch chi tiêu cá nhân bao gồm bao nhiêu bước?

- A. 4 bước. B. 5 bước. C. 6 bước. D. 7 bước.

Câu 17: Ý kiến nào dưới đây đúng khi bàn về vấn đề lập kế hoạch chi tiêu?

- A. Chỉ những người chi tiêu tùy tiện mới cần lập kế hoạch chi tiêu.
B. Những người giàu có, dư dả thì không cần lập kế hoạch chi tiêu.
C. Lập kế hoạch chi tiêu giúp chúng ta cân bằng được tài chính.
D. Học sinh nên tập trung học tập, không nên bận tâm đến tiền bạc.

Câu 18: Để phòng tránh bạo lực gia đình, chúng ta nên thực hiện hành động nào sau đây?

- A. Tôn trọng, chia sẻ, yêu thương các thành viên trong gia đình.
- B. Dùng lời nói và thái độ tiêu cực để tỏ thái độ thách thức.
- C. Nhờ người khác can thiệp bằng các biện pháp tiêu cực.
- D. Tỏ thái độ tiêu cực, ở lại nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực.

Câu 19: Khi xảy ra bạo lực gia đình, chúng ta *không nên* thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Kiểm chế cảm xúc tiêu cực.
- B. Chủ động tìm người giúp đỡ.
- C. Sử dụng bạo lực để đáp trả.
- D. Kiểm chế lời nói tiêu cực.

Câu 20: Hành vi ngược đãi, đánh đập làm tổn thương tới sức khỏe, tính mạng của thành viên gia đình - đó là biểu hiện cụ thể của hình thức bạo lực gia đình nào sau đây?

- A. Bạo lực về thể chất.
- B. Bạo lực về tinh thần.
- C. Bạo lực về kinh tế.
- D. Bạo lực về tình dục.

2. Tự luận:

Câu 1: Tình huống: Gia đình K làm nghề buôn phế liệu, trong 1 lần đi mua phế liệu gia đình K mua được 1 quả bom cũ từ thời xưa lên đến trăm kg mà giá rất rẻ. Hôm đó K thấy mọi người trong gia đình đang bàn bạc để mua quả bom lấy phế liệu bán.

a, Nhận xét hành vi của gia đình K?

b, Nếu là K trong trường hợp đó em sẽ làm gì?

Câu 2: Để phòng chống bạo lực gia đình chúng ta cần làm gì?

Câu 3: Lao động là gì? Người lao động có quyền gì khi tham gia lao động?

NHÓM CM

TỔ CM

BAN GIÁM HIỆU

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Trần Thị Thanh Hà

I. Câu hỏi trắc nghiệm:

1.D	2.A	3.C	4.A	5.B	6.A	7.D	8.B	9.B	10.C
11.A	12.A	13.D	14.A	15.A	16.B	17.C	18.A	19.C	20.A

II. Câu hỏi tự luận

Câu	Nội dung
Câu 1	<p>a, Hành vi của gia đình K là sai hành vi đó chưa biết phòng ngừa tai nạn vũ khí cháy nổ và các chất độc hại.</p> <p>b, Nếu là K em sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Khuyến mọi người trong gia đình không cưa bom để lấy phế liệu vì đó là hành vi nguy hiểm đe dọa tính mạng.- Nêu hậu quả có thể gặp phải khi hành vi cưa bom xảy ra.- Đưa ra một số quy định và trách nhiệm của bản thân trong phòng ngừa tai nạn vũ khí cháy nổ và các chất độc hại.- Nêu gia đình không nghe sẽ nhờ cơ quan chính quyền can thiệp giúp đỡ.
Câu 2	<ul style="list-style-type: none">- Để phòng chống bạo lực gia đình chúng ta cần: Tôn trọng, bình đẳng, chia sẻ yêu thương các thành viên trong gia đình, kiềm chế cảm xúc tiêu cực, rời khỏi nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực gia đình, nói với người đáng tin cậy để nhờ can thiệp. Không nên dùng lời nói thái độ tiêu cực để tỏ thái độ thách thức, nhờ người khác can thiệp bằng cách thức tiêu cực.
Câu 3	<ul style="list-style-type: none">- Lao động là hoạt động chủ yếu của con người, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của cá nhân, đất nước và nhân loại.- Người lao động có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, không bị phân biệt đối xử, không bị cưỡng bức lao động, được hưởng lương phù hợp trình độ, được gia nhập các tổ chức nghề nghiệp, tổ chức đại diện cho người lao động,..... có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, kỉ luật lao động, tuân theo sự quản lí, điều hành của người sử dụng lao động.

- A. Tổ chức các buổi tuyên truyền ý nghĩa của việc rèn luyện sức khỏe.
- B. Đầu tư mở các phòng tập thể hình cho người dân.
- C. Trang bị dụng cụ tập luyện thể thao tại các địa điểm công cộng.
- D. Yêu cầu mỗi nhà đều có những máy tập cơ bản như: máy chạy bộ, tạ tập tay,...

Câu 7. Năm 2019, Vụ Thể dục thể thao quần chúng - Tổng cục Thể dục thể thao đặt ra 2 nhiệm vụ trọng điểm tổ chức hoạt động nào?

- A. "Phong trào Bóng đá học đường" và "tập luyện môn Võ cổ truyền".
- B. "Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2019" và "Chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước".
- C. "Giải chạy báo Hà Nội mới mở rộng" và "Giải bơi chải thuyền rồng".
- D. Tổ chức "Ngày Olympic trẻ em, Hội khỏe phù đổng toàn quốc" và "Đại hội Thể thao người khuyết tật Đông Nam Á".

Câu 8. Phương án nào dưới đây không phải là một trong những thuận lợi của việc phát triển làng nghề truyền thống tại Hà Nội?

- A. Các sản phẩm của làng nghề đa dạng, nhiều chủng loại, mẫu mã đẹp, chất lượng tốt.
- B. Một số sản phẩm có thể mạnh cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.
- C. Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, chưa đầu tư và cải tiến, áp dụng công nghệ.
- D. Phát triển kinh tế qua nhiều hình thức: du lịch tham quan làng nghề, xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài và tiêu dùng trong nước

Câu 9. Làng nghề chuyên sản xuất đồ gốm nổi tiếng của thành phố Hà Nội có tên gọi là gì?

- A. Làng gốm Bát Tràng.
- B. Làng gốm Bát Đàn.
- C. Làng gốm Bát Đá.
- D. Làng gốm Bát Hoa.

Câu 10. Giải Bơi chải thuyền rồng Hà Nội mở rộng năm 2023 được tổ chức tại đâu?

- A. Hồ Hoàn Kiếm.
- B. Hồ Tây.
- C. Hồ Linh Đàm.
- D. Hồ Định Công.

Câu 11. Giải chạy Báo Hà Nội mới mở rộng - Vì hòa bình do đơn vị nào tổ chức?

- A. Liên đoàn thể thao thành phố Hà Nội kết hợp cùng Báo thể thao.
- B. Báo Hà Nội mới cùng Ủy ban thể dục thể thao
- C. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao cùng Ủy ban thể dục thể thao Hà Nội.
- D. Báo Hà Nội mới cùng với Sở Văn hóa và Thể Thao Hà Nội.

Câu 12. Giải chạy báo Hà Nội mới lần thứ 48 được tổ chức tại đâu?

- A. Đền Bà Kiệu và xung quanh khu vực hồ Hoàn Kiếm.
- B. Khu vực vườn hoa Lạc Long Quân và xung quanh Hồ Tây
- C. Công viên Tuổi trẻ số 46 Thanh Nhàn.
- D. Tượng đài Vua Lý Thái Tổ và xung quanh khu vực hồ Hoàn Kiếm.

Phần II. Câu hỏi tự luận

Câu 1. Nêu những khó khăn của các nghề truyền thống ở Hà Nội.

Câu 2. Trình bày ý nghĩa của giải chạy báo Hà Nội mới?

GV RA ĐỀ

TỔ-NHÓM CM

BAN GIÁM HIỆU

Nguyễn Phương Thảo

Đào Minh Châu

Trần Thị Thanh Hà

